

-KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT

Công văn số 13-2022 /BGDĐT-GDTrH&GDTX ngày 03 tháng 8 năm 2022)

TRƯỜNG: THPT HUỖNH THÚC KHÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ CM: SỬ - ĐỊA - KTPL

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 28 ; Số học sinh: 1091.; Số lớp học chuyên đề lựa chọn (nếu có):5 lớp sử và 3 lớp địa

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:11 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học:11; Trên đại học: 01

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt:.....11.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

3. Thiết bị dạy học:

TT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	1 cái	Các tiết dạy lí thuyết	Gv chủ động sử dụng
	Màn hình ti vi	2 cái		
2	Lược đồ có trong các tiết học như: Lược đồ nước Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Việt Nam, Đông Nam Á....	01 bộ	Các tiết dạy lí thuyết	Gv chủ động sử dụng
3	Tranh ảnh các nhân vật lịch sử như Sắc-lơ I, Lui XVI, Lê Nin...	01	Các tiết dạy lí thuyết	Gv chủ động sử dụng

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

1.1: LỊCH SỬ¹⁰

Cả năm: 35 tuần = 52 tiết

Học kì I: 18 tuần = 18 tiết

Học kì II: 17 tuần = 34 tiết

STT	Tuần	Chủ đề/Bài học	Số tiết	Tiết	Yêu cầu cần đạt
tt	Tiết PPCT (1)	Bài học (2)	Số tiết (3)	Tuần	Yêu cầu cần đạt (4)
CHỦ ĐỀ 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC (3 TIẾT)					
	Bài 1: Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử		2		
1	1	Lịch sử, hiện thực lịch sử và Lịch sử được con người nhận thức Lịch sử - Hiện thực lịch sử - Lịch sử được con người nhận thức		1	- Trình bày được khái niệm lịch sử. - Phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.
2	2	Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc cơ bản của Sử học		2	- Giải thích được khái niệm sử học. - Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học. - Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học.
	Bài 2. Tri thức lịch sử và cuộc sống		1		
3	3	Học tập và khám phá lịch sử suốt đời		3	- Giải thích được sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời. - Biết cách sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử.

		- sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời. - Thu thập thông tin, sử liệu làm giàu tri thức lịch sử. - Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống			- Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). - Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.
4	4	- Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, di sản thiên nhiên. - Mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá - Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên.	2	4	- Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên. - Có ý thức vận động các bạn và mọi người ở xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hoá và di sản thiên nhiên ở địa phương.
5	5	- Sử học với sự phát triển du lịch - Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch. - Vai trò của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di sản văn hóa		5	- Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch. - Nêu được tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa.
6	6	THỰC HÀNH	1	6	
CHỦ ĐỀ 3. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI (5 TIẾT)					
7	7	Bài 5: Khái niệm văn minh	1	7	- Giải thích được khái niệm văn minh.

		thế giới - Khái niệm văn minh. - Phân biệt văn minh, văn hoá			- Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá.
	Bài 6: Một số nền văn minh phương Đông		2		
6	8	- Văn minh Ai Cập - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa		8	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu, ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, điêu khắc, kiến trúc
7	9	Kiểm tra giữa kỳ 1	1	9	
8	10	- Văn minh Trung Hoa - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa - Văn minh Ấn Độ - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa		10	- Nêu được những thành tựu tiêu biểu, ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học, khoa học tự nhiên, y học, tư tưởng, tôn giáo, thiên văn, lịch pháp. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu, ý nghĩa của văn minh Ấn độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo.
	Bài 7: Một số nền văn minh phương Tây		2		
9	11	Văn minh Hi Lạp – La Mã - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa		11	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời cổ đại. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.
10	12	Văn minh thời Phục hưng		12	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để

		- Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa			tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời trung đại. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, thiên văn học.
11	13,14	Thực hành lịch sử	2	13, 14	
CHỦ ĐỀ 4. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 TIẾT)					
		<i>Bài 8: Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại</i>	3		
12	15	Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. - Những thành tựu cơ bản		15	- Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Nêu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.
13	16	Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai. - Những thành tựu cơ bản		16	- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.
14	17	Ôn tập cuối kỳ 1	1	17	
15	18	Kiểm tra cuối kỳ 1	1	18	
HỌC KÌ II					
16	19	Ý nghĩa và tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và thứ 2. - Kinh tế - Về văn hóa, xã hội		19	- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hoá.
		<i>Bài 9: Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại</i>	3		
17	19	Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba - Những thành tựu cơ bản		20	- Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
18	20	Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư		21	- Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

		- Những thành tựu cơ bản			
19	20	Ý nghĩa, tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư. - Kinh tế - Về văn hóa, xã hội		22	- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hoá. - Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử. - Vận dụng được những hiểu biết về tác động hai mặt của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội.
CHỦ ĐỀ 5. VĂN MINH ĐÔNG NAM Á (3 TIẾT)					
	Bài 11: Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á		3	23	
20	21	Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á. - Hành trình phát triển	1	24	- Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. - Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á.
21	21	Tín ngưỡng và tôn giáo. Văn tự và văn học	1	25	- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học.
22	22	Kiến trúc và điêu khắc	1	26	- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về kiến trúc và điêu khắc. - Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.
CHỦ ĐỀ 6. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858) (12 TIẾT)					
	Bài 12. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc		3		

23	22,23	- Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu		27,28,29	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Văn Lang - Âu Lạc. - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.
Bài 13. Văn minh Chăm Pa và Phù Nam			3		
24	24, 25	Văn minh Chăm Pa - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu Văn minh Phù Nam - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu		30, 31, 32	- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của nền VM cổ trên đất nước VN. Có ý thức trân trọng giá truyền thống và có trách nhiệm bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc.
25	25, 26	Thực hành lịch sử	3	32, 33, 34	
26	26	Kiểm tra giữa kỳ 2	1	35	
Bài 14: Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt: 3 tiết					
27	27,28	- Khái niệm văn minh Đại Việt. - Cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.		35,36,37	- Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. - Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh

		<i>- Quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.</i>			hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ. - Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.
	Bài 15: Một số thành tựu của văn minh Đại Việt: 3 tiết				
28	28	Chính trị, kinh tế		38	- Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị.
29	29	Văn hóa		39	- Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật, khoa học.
30	29	Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong		40	- Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. - Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.
	30	Thực hành		41, 42	
CHỦ ĐỀ 7. CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM (5 TIẾT)					
	Bài 16: Các dân tộc trên đất nước Việt Nam		3		
31	30	<i>- Thành phần dân tộc theo dân số. - Thành phần dân tộc theo theo ngữ hệ</i>		43	- Nêu được thành phần dân tộc theo dân số. - Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.
32	31	<i>- Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của các dân tộc Việt Nam. - Đời sống vật chất</i>		44	- Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
33	31	Đời sống tinh thần		45	- Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
	Bài 17: Khôi đại đoàn kết dân tộc		2		

		trong lịch sử Việt Nam			
34	32	Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam - Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc. - Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	1	46	- Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam. - Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. - Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
35	32	Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay - Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc. - Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước	1	47	- Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. - Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh. - Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.
36	33, 34	Thực hành lịch sử	3	48, 49, 50	
37	35	Ôn tập cuối học kỳ 2	1	51	
38	35	Kiểm tra cuối học kỳ 2	1	52	

1.2:LỊCH SỬ 11

Cả năm: 35 tuần = 52 tiết

Học kì I: 18 tuần = 35 tiết

Học kì II: 17 tuần = 17 tiết

Tiết PPCT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
CHỦ ĐỀ 1. CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (6T)= 6,24 t			
1,2,3	Bài 1. Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	3	- Trình bày được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng. - Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản. - Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản
4,5,6	Bài 2. Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản	3	- Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ. - Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản. - Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền. Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Nêu được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của chủ nghĩa tư bản. Vận dụng được những hiểu biết về lịch sử chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.
7	Thực hành chủ đề 1	1	- củng cố lại kiến thức cơ bản chủ đề 1: cách mạng tư sản... - Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành (Lựa chọn, giới thiệu 1 số thành tựu tiêu biểu về 1 quốc gia tư bản trên thế giới hiện nay hoặc có thể cho học sinh đóng vai GCTS với vai GCVS.)

CHỦ ĐỀ 2. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ 1917 ĐẾN NAY 10% = (5,2T)

8,9	Bài 3. Sự hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết	2	- Sự ra đời Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Phân tích được ý nghĩa sự ra đời Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
10,11,12	Bài 4. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	3	- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Nêu được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á, khu vực Mỹ La tinh. - Giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô. - Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay. - Nêu được những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc. - Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
13	Thực hành chủ đề 2	1	- củng cố lại kiến thức cơ bản chủ đề 2: Chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay - Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành (Lựa chọn, giới thiệu 1 số thành tựu tiêu biểu về 1 quốc gia XHCN trên thế giới hiện nay.)
CHỦ ĐỀ 3. QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á 8% =(4,16T)			
14,15	Bài 5. Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á	2	- Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á lục địa và hải đảo. - Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm.

			- Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
16,17	Bài 6. Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á	2	- Tóm tắt được những nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân ở một số nước Đông Nam Á lục địa và hải đảo. - Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á. - Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với thuộc địa, liên hệ Việt Nam. - Tóm tắt những nét chính và quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á sau khi giành độc lập. - Có ý thức trân trọng về thành quả quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và phát triển các dân tộc ở Đông Nam Á hiện nay.
18	Kiểm tra giữa kì 1	1	Vận dụng kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 6 để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.
19	Thực hành chủ đề 3	1	- củng cố lại kiến thức cơ bản chủ đề 3: quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia đông nam á - Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành(Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hoá kiến thức; Khắc hoạ biểu tượng về một anh hùng giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á).
CHỦ ĐỀ 4. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945) 17% =-(8,84T)= 9 t			
20,21,22,23	Bài 7. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	4	- Nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam. - Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam. - Biết trân trọng truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của các thế hệ Việt Nam trong lịch sử, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt

			Nam. - Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược. - Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến không thành công về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. - Giải thích được nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử. - Vận dụng kiến thức đã học, rút ra được những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
24, 25, 26, 27,28	Bài 8. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III Trước công nguyên đến cuối thế kỉ XIX)	5	- Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc; Nêu được ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. - Nêu được bối cảnh lịch sử của khởi nghĩa Lam Sơn; Trình bày được diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn; Nêu được ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn; Trình bày được bối cảnh lịch sử và những diễn biến chính của phong trào Tây Sơn; Nêu được ý nghĩa của phong trào Tây Sơn. - Rút ra được những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam về quá trình vận động, tập hợp quần chúng nhân dân tham gia, vai

			trò của khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự. - Nêu được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
29,30,31	Thực hành	3	- củng cố lại kiến thức cơ bản chủ đề 4 - Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành (h/s sưu tầm tranh ảnh, mô hình về các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng dân tộc hoặc anh hùng giải phóng dân tộc. hoặc tái hiện lại 1 sự kiện lịch sử)
CHỦ ĐỀ 5. MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858) 11% 5,72 % = 6			
32,33	Bài 9. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (đầu thế kỉ XV)	2	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cải cách của Hồ Quý Ly và nhà Hồ.
34	Ôn tập	1	- Học sinh nắm được các kiến thức cơ bản đã học - Rèn kĩ năng ghi nhớ kiến thức, kĩ năng vận dụng kiến thức làm các bài tập trắc nghiệm và tự luận.
35	Kiểm tra cuối kì 1	1	Vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.
36, 37	Bài 10. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)	2	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cải cách của Lê Thánh Tông.
38,39	Bài 11. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)	2	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cải cách của Vua Minh Mạng. - Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.
40,41	Thực hành chủ đề 5	2	- củng cố lại kiến thức cơ bản chủ đề 5 - Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành: Lựa chọn và giới thiệu về 1 trong 3 nhà cải cách và đánh giá tác động, ảnh hưởng của ông đến tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

CHỦ ĐỀ 6. LỊCH SỬ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG - 12% = 6,24 T (6 tiết)			
42, 43	Bài 12. Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông	2	- Xác định được vị trí của biển Đông trên bản đồ. - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của biển Đông về giao lưu biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển. - Xác định được vị trí các đảo và quần đảo ở biển đông trên bản đồ. - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở biển Đông.
44	Kiểm tra giữa học kì 2	1	Vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao
45,46,47,48	Bài 13. Việt Nam và Biển Đông	4	- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - Nêu được Việt Nam là nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử. - Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình. - Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.
49, 50	Thực hành	2	- củng cố lại kiến thức cơ bản chủ đề 6 - Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành (Ngoại khóa chủ quyền biển đảo).

51	Ôn tập cuối kì 2	1	- Học sinh nắm được các kiến thức cơ bản từ Chiến tranh thế giới thứ hai đến phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX. - Rèn kĩ năng ghi nhớ kiến thức, kĩ năng vận dụng kiến thức làm các bài tập trắc nghiệm và tự luận.
52	Kiểm tra cuối học kì 2	1	Vận dụng kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 13 để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.

1.3: MÔN LỊCH SỬ 12

Cả năm: 35 tuần = 52 tiết

Học kì I: 18 tuần = 36 tiết

Học kì II: 17 tuần = 17 tiết

1. Phân phối chương trình: 52 tiết/năm học

Tuần	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH (8t)			
1	Bài 1. Liên Hợp quốc	2 (1, 2)	- Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc; Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập Liên hợp quốc. - Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân; trong việc bảo đảm quyền con người, phát triển xã hội.
2	Bài 2. Trật tự thế giới trong chiến tranh lạnh	2 (3,4)	- Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. - Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. ✓ Phân tích được tác động sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực
3	Bài 3: Trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh	2 (5,6)	- Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh. - Trình bày được khái niệm đa cực; nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

			- Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh lạnh để giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế.
4	Thực hành chủ đề 1	2 (7,8)	
	CHỦ ĐỀ 2: LỊCH SỬ ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG (6t)		
5,6	Bài 4. Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	3 (9,10,11)	- Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN. - Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. - Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN từ năm 1967 đến nay. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN
6,7	Bài 5: Cộng đồng ASEAN: từ ý tưởng đến hiện thực	2 (12,13)	
7	Thực hành chủ đề 2	1 (14)	
8	Kiểm tra giữa kì	1 (15)	
	CHỦ ĐỀ 3.CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY) (10t)		
8	Bài 6. Cách mạng tháng Tám năm 1945	1 (16)	- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của C tháng Tám năm 1945. -Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Phân tích được ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945
9	Bài 7. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)	2 (17,18)	- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

			- Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
10	Bài 8: Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975)	2 (19,20)	- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.
11,1 2	Bài 9: Đấu tranh bảo vệ tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc từ 1945 đến nay	3 (21,22,23)	- Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4-1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX), cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4-1975 đến nay. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay. ✓ Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay và phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. - Trân trọng những bài học kinh nghiệm trên lịch sử và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.
12,1 3	Thực hành chủ đề 3	2(24,25)	

	CHỦ ĐỀ 4: CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY (10t)		
14,1 5	Bài 10. Khái quát công cuộc đổi mới từ 1986 đến nay	3 (26,27,28)	Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.
15,1 6	Bài 11. Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc đổi mới từ 1986 đến nay	3 (29,30,31)	- Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế. - Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.
17	Thực hành chủ đề 4	2 (32,33)	
18	Kiểm tra cuối kì 1	(2) 34,35	
	CHỦ ĐỀ 5. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN - HIỆN ĐẠI (7t)		
19	Bài 12. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975	2 (36,37)	Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945), trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975).
20,2 1	Bài 13: Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ 1975 đến nay	3 (38,39,40)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 - 1985 và giai đoạn từ năm 1986 đến nay. - Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.
21,2 2	Thực hành chủ đề 5	2 (41,42)	
22	Kiểm tra giữa kỳ	1 (43)	

CHỦ ĐỀ 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (7t)			
23	Bài 14. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh	2 (44,45)	- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. - Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh. - Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.
24,2 5	Bài 15. Hồ Chí Minh – anh hùng giải phóng dân tộc	3 (46,47,48)	- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. - Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh. - Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1969). - Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.
25	Bài 16: Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam	1 (49)	- Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh; nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi đối với dân tộc Việt Nam. - Có ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.
26	Thực hành chủ đề 6	2 (50,51)	
27	Kiểm tra cuối kỳ 2	1 (52)	

MÔN HỌC : GDKT&PL
1.4 GDKT&PL10

Cả năm: 35 tuần (70 tiết);

Học kỳ I: 18 tuần (18 tiết);

Học kỳ II: 17 tuần (52 tiết).

ST T	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
Chủ đề 1: Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế: 5 tiết			
1	Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	3	Về kiến thức: - Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội. - Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. - Nhận biết trách nhiệm của công dân khi tham gia các hoạt động kinh tế. Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các hoạt động kinh tế. - Năng lực riêng: + <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của

			Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia các hoạt động kinh tế; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia các hoạt động kinh tế trong xã hội. + <i>Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:</i> Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp.
2	Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	3	Về kiến thức: - Nhận biết được các chủ thể tham gia trong nền kinh tế và vai trò của các chủ thể khi tham gia nền kinh tế. - Xác định được vai trò của bản thân và gia đình với tư cách là chủ thể tham gia trong nền kinh tế. - Nhận biết trách nhiệm của công dân trong khi tham gia các hoạt động kinh tế. - Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - <i>Năng lực đặc thù:</i>

			+ Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường: 6 tiết			
3	Bài 3: Thị trường	3	Về kiến thức: - Nêu được khái niệm thị trường. - Liệt kê các loại thị trường và chức năng của thị trường. - Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia thị trường. - Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.
4	Bài 4: Cơ chế thị trường	3	Về kiến thức: - Nêu được khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường. - Nêu được khái niệm và chức năng của giá cả thị trường. - Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường. - Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.

			Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. -<i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi
Chủ đề 3: Ngân sách nhà nước và thuế: 5 tiết			
5	Bài 5: Ngân sách nhà nước	3	Về kiến thức: - Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước; đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi VPPL về thu, chi ngân sách. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. -<i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

			- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
6	Bài 6: Thuế	2	Về kiến thức: - Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế. - Kể được tên một số loại thuế phổ biến. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi VPPL về thuế. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - <i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
7	Ôn tập giữa học kì 1	1	
8	Kiểm tra giữa học kì 1	1	
Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh: 5 tiết			
9	Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các	5	Về kiến thức: - Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.

	mô hình sản xuất kinh doanh		- Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó. - Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - <i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng trong đời sống: 5 tiết			
10	Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	2	Về kiến thức: - Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng. - Nhận biết được vai trò tích cực của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình và xã hội. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - <i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

			- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
11	Bài 9: Dịch vụ tín dụng	3	Về kiến thức: - Nhận biết và mô tả được đặc điểm một số dịch vụ tín dụng. - Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng. - Biết cách sử dụng có trách nhiệm một số dịch vụ tín dụng. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - <i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

Chủ đề 6: Lập kế hoạch tài chính cá nhân: 5 tiết

12	Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	5	Về kiến thức: - Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân; các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân. - Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. - Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. - Kiểm soát được tài chính cá nhân. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i>
----	---	---	--

			+ Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. -Năng lực đặc thù: + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Trung thực và có trách nhiệm trong việc thực hiện lập kế hoạch tài chính cá nhân.
13	Ôn tập cuối học kì I	1	
14	Kiểm tra cuối học kì I	1	
Chủ đề 7: Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: 6 tiết			
15	Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật	2	Về kiến thức: - Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. - Tự giác thực hiện các quy định pháp luật. - Phê phán các hành vi VPPL. Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. -Năng lực đặc thù: + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật.

16	Bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	2	Về kiến thức: - Nêu được khái niệm hệ thống pháp luật Việt Nam và văn bản pháp luật Việt Nam. - Kể tên được các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - <i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật.
17	Bài 13: Thực hiện pháp luật	2	Về kiến thức: - Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật. - Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật; phê phán các hành vi VPPL. - Tự giác thực hiện các quy định pháp luật. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - <i>Năng lực đặc thù:</i>

			+ Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật.
Chủ đề 8: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: 11 tiết			
18	Bài 14: Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	Về kiến thức: - Nêu được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể phù hợp với lứa tuổi. Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.
19	Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị	2	Về kiến thức: - Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

			- Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị; phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị. - Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - <i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.
20	Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp	3	Về kiến thức: - Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. - Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; lên án, phê phán các hành vi vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. - Thực hiện các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với độ tuổi. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

			-<i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.
21	Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ môi trường	2	Về kiến thức: - Nêu được một số nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường. - Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; lên án, phê phán các hành vi vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. - Thực hiện các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với độ tuổi. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. -<i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.

			- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.
22	Ôn tập giữa học kì II	1	
23	Kiểm tra giữa học kì II	1	
24	Bài 18: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	Về kiến thức: - Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; lên án, phê phán các hành vi VP quy định của Hiến pháp. - Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.
Chủ đề 9: Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: 13 tiết			
25	Bài 19: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên	3	Về kiến thức:

	tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam		- Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam. - Phê phán đấu tranh với các hành vi chống phá hệ thống chính trị Việt Nam. - Thực hiện được nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện bộ máy hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. -<i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp và pháp luật.
26	Bài 20: Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	Về kiến thức: - Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Phê phán đấu tranh với các hành vi chống phá Nhà nước. - Thực hiện được nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. Về năng lực:

			- Năng lực chung: + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. -Năng lực đặc thù: + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp và pháp luật.
27	Bài 21: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	Về kiến thức: - Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ. - Phê phán đấu tranh với các hành vi chống phá Nhà nước. - Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước bằng những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. -Năng lực đặc thù: + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.

			- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp và pháp luật.
28	Bài 22: Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân	2	Về kiến thức: - Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. - Phê phán đấu tranh với các hành vi sai trái liên quan đến Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân. - Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - <i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật.
29	Bài 23: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	2	Về kiến thức: - Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. - Có thái độ phê phán, không đồng tình với các hành vi tiêu cực đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

			- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân bằng những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. Về năng lực: - <i>Năng lực chung:</i> + Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. - <i>Năng lực đặc thù:</i> + Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Về phẩm chất: - Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết, quyết định của Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân. - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp và pháp luật.
30	Ôn tập cuối học kì II	1	
31	Kiểm tra cuối học kì II	1	

1.5: GDKT&PL 11

Cả năm: 35 tuần (70 tiết);

Học kỳ I: 18 tuần (18 tiết);

Học kỳ II: 17 tuần (52 tiết).

Số thứ tự tiết	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
12,3	Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	3	- Nêu được khái niệm cạnh tranh. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

			- Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế. - Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.
4,5,6	Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	3	+ Nêu được khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung. + Nêu được khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu. + Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế. + Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.
7,8,9	Bài 3: Lạm phát	3	- Nêu được các khái niệm lạm phát. - Liệt kê được các loại hình lạm phát. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát, thất nghiệp. - Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát.
10,11,12	Bài 4: Thất nghiệp	3	– Nêu được các khái niệm thất nghiệp. – Liệt kê được các loại hình thất nghiệp. – Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. – Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. – Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp. – Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.
13,14,15,16	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	4	- Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.

			- Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường. - Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp
17	Ôn tập giữa kỳ 1	1	Nắm được những kiến thức cơ bản đã học ở bài 1,2,3,4,5.
18	Kiểm tra giữa kỳ 1	1	Thông qua khai thác thông tin, tư liệu, hình ảnh, vận dụng những nội dung, kiến thức cơ bản để làm bài kiểm tra.
19,20,21,22,23,24	Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	6	- Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh. - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh. - Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh. - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. - Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.
25,26,27,28,29	Bài 7: Đạo đức kinh doanh	5	- Nêu được quan niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh. - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh. - Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh. - Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. - Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.
30,31,32,33,34	Bài 8: Văn hoá tiêu dùng	5	- Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế. - Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng. - Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng. - Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. - Phê phán những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá.

35	Ôn tập cuối kỳ 1		Nắm được những kiến thức cơ bản đã học ở bài 1,2,3,4,5,6,7,8.
36	Kiểm tra cuối kỳ 1		Thông qua khai thác thông tin, tư liệu, hình ảnh, vận dụng những nội dung, kiến thức cơ bản để làm bài kiểm tra.
37,38,39	Bài 9: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	3	- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí). – Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội. – Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn. – Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.
40,41,42	Bài 10: Bình đẳng giới trong các lĩnh vực	3	- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực. – Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội. – Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn. – Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.
43,44	Bài 11: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc	2	- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc. – Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội. – Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn. – Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.

45,46	Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo	2	- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội. - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn. - Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.
47,48	Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội	2	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền dân chủ của công dân. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.
49,50	Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử	2	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền dân chủ của công dân. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.
51	Ôn tập giữa kỳ 2	1	Nắm được những kiến thức cơ bản đã học ở bài 9,10,11,12,13,14.
52	Kiểm tra giữa kỳ 2	1	Thông qua khai thác thông tin, tư liệu, hình ảnh, vận dụng những nội dung, kiến thức cơ bản để làm bài kiểm tra.
53,54,55	Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo	3	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

			- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền dân chủ của công dân. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.
56,57	Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc	2	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ Tổ quốc. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền dân chủ của công dân. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.
58,59,60	Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân	3	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về + Quyền bất khả xâm phạm về thân thể. + Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân. - Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền tự do của công dân. - Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.
61,62	Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân	2	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân. - Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền

			tự do của công dân. - Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.
63,64	Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân	2	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân. - Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền tự do của công dân. - Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.
65,66	Bài 20: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin	2	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về + Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. + Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân. - Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền tự do của công dân. – Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. – Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.
67,68	Bài 21: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo	2	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân.

			- Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền tự do của công dân. – Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. – Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.
69	Ôn tập cuối kỳ 2	1	Nắm được những kiến thức cơ bản đã học ở bài 9,10,11,12,13,14,15,16 17,18,19,20,21.
70	Kiểm tra cuối kỳ 2	1	Thông qua khai thác thông tin, tư liệu, hình ảnh, vận dụng những nội dung, kiến thức cơ bản để làm bài kiểm tra.

CHỦ ĐỀ 2: Hội nhập kinh tế quốc tế

6, 7, 8, 9, 10	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	05	- Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. - Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia. - Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.	Tích hợp quyền con người - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
----------------	--	----	---	--

CHỦ ĐỀ 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội

11, 12, 13	Bài 3: Bảo hiểm	03	- Nêu được khái niệm bảo hiểm và vai trò của bảo hiểm. - Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của bảo hiểm. - Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm.	Tích hợp quyền con người - Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của bảo hiểm.
14, 15, 16	Bài 4: An sinh xã hội	03	- Nêu được khái niệm và vai trò của an sinh xã hội. - Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội.	Tích hợp quyền con người - Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội.

			- Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản.	
17	Ôn tập giữa kỳ 1	01	Hệ thống lại những kiến thức cơ bản trong các bài đã học	Học sinh biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
18	Kiểm tra giữa kỳ 1	01	Nắm được kiến thức cơ bản để trả lời câu hỏi ở mức độ nhận biết, thông hiểu	Biết vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi ở mức độ vận dụng, vận dụng cao.
CHỦ ĐỀ 4: Lập kế hoạch kinh doanh				
19, 20, 21, 22, 23	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	05	- Nêu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh. - Giải thích được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh. - Diễn giải được các bước lập kế hoạch kinh doanh.	Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành.
CHỦ ĐỀ 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp				
	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	05	- Nêu được khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	Tích hợp quyền con người - Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.

24, 25, 26, 27, 28			- Liệt kê được các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	
CHỦ ĐỀ 6: Quản lý thu, chi trong gia đình				
29, 30, 31, 32, 33, 34	Bài 7: Quản lý thu, chi trong gia đình	06	- Nêu được thế nào là quản lý thu, chi trong gia đình. - Giải thích được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình. - Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình.	
35	Ôn tập cuối kì 1	01	Hệ thống lại những kiến thức cơ bản trong các bài đã học	Học sinh biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
36	Kiểm tra cuối kì 1	01	Nắm được kiến thức cơ bản để trả lời câu hỏi ở mức độ nhận biết, thông hiểu	Biết vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi ở mức độ vận dụng, vận dụng cao.
HK I: 18 tuần x 2 tiết = 36 tiết				

CHỦ ĐỀ 7: Một số quyền, nghĩa vụ của công dân về kinh tế

37, 38, 39	Bài 8: Quyền, nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế	03	- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về kinh doanh và nộp thuế.	Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế trong một số tình huống đơn giản thường gặp.
40, 41, 42	Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản; tôn trọng tài sản của người khác	03	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác. Tích hợp quyền con người Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác.	- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác trong một số tình huống đơn giản thường gặp

CHỦ ĐỀ 8: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội

43, 44, 45	Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình	03	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong hôn nhân và gia đình.	- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình trong một số tình huống đơn giản thường gặp.
46, 47	Bài 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập	02	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong học tập.	- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập trong một số tình huống đơn giản thường gặp.
48, 49, 50	Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an sinh xã hội	03	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ,	- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội trong một số tình huống đơn giản thường gặp

			chăm sóc sức khoẻ và bảo đảm an sinh xã hội.	
51	Ôn tập giữa kỳ 2	01	Hệ thống lại những kiến thức cơ bản trong các bài đã học	Học sinh biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
52	Kiểm tra giữa kỳ 2	01	Nắm được kiến thức cơ bản để trả lời câu hỏi ở mức độ nhận biết, thông hiểu	Biết vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi ở mức độ vận dụng, vận dụng cao.
53, 54, 55	Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ di sản văn hóa	03	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ di sản văn hoá.	- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá, trong một số tình huống đơn giản thường gặp - T giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá bằng những hành vi phù hợp.
CHỦ ĐỀ 9: Một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế				
	Bài 14: Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế	02	- Nêu được khái niệm, vai trò, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.	- Đồng tình, ủng hộ những hành vi phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; phê phán những hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

56, 57			- Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản liên quan tới các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.	
58, 59, 60, 61, 62	Bài 15: Công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia	05	- Nhận biết được nội dung cơ bản của công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia	- Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản liên quan đến dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia
63, 64, 65, 66, 67, 68	Bài 16: Các nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại thế giới và hợp đồng thương mại quốc tế	06	- Nhận biết được nội dung cơ bản của Công pháp quốc tế về nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại Thế giới và của hợp đồng thương mại quốc tế.	- Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản liên quan đến các nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại Thế giới và của hợp đồng thương mại quốc tế.
69	Ôn tập cuối kỳ 2	01	Hệ thống lại những kiến thức cơ bản trong các bài đã học	Học sinh biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
70	Kiểm tra cuối kỳ 2	01	Nắm được kiến thức cơ bản để trả lời câu hỏi ở mức độ nhận biết, thông hiểu	Biết vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi ở mức độ vận dụng, vận dụng cao.

1.6: MÔN GDKT7PL 12

CHỦ ĐỀ 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế

1, 2, 3, 4, 5	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	05	- Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế. - Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững.	Tích hợp quyền con người Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.
---------------	---	----	---	--

3. MÔN HỌC: ĐỊA LÍ

3.1: ĐỊA LÍ 10

Cả năm: 35 tuần (70 tiết);

Học kỳ I: 18 tuần (36 tiết);

Học kỳ II: 17 tuần (34 tiết).

TT tiết	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Bài 1. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Khái quát được những đặc điểm cơ bản của môn Địa lí. - Xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống - Liên hệ kiến thức môn Địa lí đã học, mối quan hệ giữa kiến thức môn Địa lí và kiến thức các môn học có liên quan.

			- Xác định được các ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí, giải thích được tại sao kiến thức môn Địa lí lại có lợi thế và phát huy tốt trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau trong cuộc sống. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Yêu thích và gắn bó với nghề nghiệp liên quan đến môn Địa lí,
2	Bài 2. Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí lên bản đồ phương pháp kí hiệu, phương pháp kí hiệu đường chuyển động, phương pháp bản đồ – biểu đồ, phương pháp chấm điểm, phương pháp khoanh vùng... - Nhận biết các phương pháp thể hiện đối tượng địa lí trên các bản đồ bất kì. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (atlat địa lí, khai thác internet trong học tập.) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học phát hiện phương pháp tiến hành ở từng bản đồ cụ thể, có thể tự xây dựng và xác định từng phương pháp biểu hiện các đối tượng trên bản đồ theo yêu cầu,... - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Tràn trong các sản phẩm bản đồ trong quá trình sử dụng
3			

4	Bài 3. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và đời sống. - Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. 2. Về năng lực – Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet trong học tập. – Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống: sử dụng được các ứng dụng của GPS và bản đồ số trong thực tế. - Năng lực chung; năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. – Sử dụng các ứng dụng của GPS và bản đồ số hiệu quả, lành mạnh
5	Bài 4. Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái đất	1	1. Về kiến thức kĩ năng - Trình bày nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của trái đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất - Phân biệt khoáng vật và đá, các nhóm đá theo nguồn gốc. - Sử dụng các hình ảnh, mô hình để phân tích cấu trúc, đặc điểm của vỏ trái đất và nhận biết các loại đá chính. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh ..) khai thác internet phục vụ môn học. – Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn, - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.

			- Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
6	Bài 5. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất	3	1. Về kiến thức, kĩ năng - Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, quả trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ). - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm. - Sử dụng hình vẽ, bản đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh khai thác internet phục vụ môn học) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống. - Năng lực chung: tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Hình thành thế giới quan khoa học, khách quan, bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, - Tôn trọng các quy luật tự nhiên.
7			
8			
9	Bài 6. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm thạch quyển, phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng, vận dụng để giải thích nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa. - Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về chuyển động của các mảng kiến tạo. - Nhận xét và giải thích sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ. 2. Về năng lực
10			

			- Năng lực nhận thức khoa học địa, là nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, lược đồ, sơ đồ, mô hình, tranh ảnh..), khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên. Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.
11	Bài 7. Nội lực và ngoại lực	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm nội lực và ngoại lực, nguyên nhân của chúng, tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. - Phân tích được sơ đồ hình ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn. 3. Về phẩm chất - Hình thành thế giới quan khoa học, khách quan, bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
12			
13	Bài 8. Thực hành: Sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ - Đọc được bản đồ vành đai động đất, núi lửa. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học.

			- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Tôn trọng các quy luật tự nhiên. - Chia sẻ với người dân các nước có nhiều thiên tai.
14	Ôn tập giữa kì I	1	1. Kiến thức: Ôn tập, Hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức của các chương đã học: - Một số vấn đề chung - Chương I: Sử dụng bản đồ - Chương II: Trái Đất - Chương III: Thạch quyển 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
15	Kiểm tra giữa kì I	1	1. Kiến thức: - Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh. - Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. - Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. - Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất. - Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

			3. Phẩm chất:
16	Bài 9. Khí quyển, các yếu tố khí hậu	4	1. Về kiến thức, kĩ năng - Nếu được khái niệm khí quyển. - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ, đại dương, địa hình. - Trình bày được sự hình thành các đại khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp. - Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất, một số loại gió địa phương - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. - Phân tích được các số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa,..) - Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, sơ đồ, mô hình tranh ảnh,...), khai thác internet phục vụ môn học. — Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. - Tôn trọng các quy luật khí hậu.
17			
18			
19			
20	Bài 10. Thực hành: Đọc bản đồ các đới và các kiểu khí hậu trên	1	1. Kiến thức: - Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. Sử dụng được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất để phân tích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.

	Trái Đất, phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu		+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. - Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. 3. Phẩm chất: - Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.
21	Bài 11. Thủy quyền, nước trên lục địa	2	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm thủy quyền. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông và trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể. - Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành. - Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm. - Vẽ được sơ đồ; phân tích hình vẽ về thủy quyền. - Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. - Sử dụng các công cụ địa lí, biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập.
22			

			- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. - Có ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (nhất là nguồn nước)
23			
24	Bài 12. Nước biển và đại dương	2	- Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương. - Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều. - Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương. - Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội. - Về được sơ đồ, phân tích được bản đồ và hình vẽ về nước biển và đại dương.. - Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, sơ đồ, mô hình, bảng số liệu, tranh ảnh...), khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.
25	Bài 13. Thực hành: Phân tích chế độ nước của sông Hồng	1	- Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể (sông Hồng). - Phân tích số liệu thống kê, vẽ biểu đồ lưu lượng nước sông và nhận xét chế độ nước sông - Về năng lực - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ của địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Phẩm chất: - Trung thực trong học tập.

			- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (nhất là tài nguyên nước).
26	Bài 14. Đất trên Trái Đất	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm về đất. - Phân biệt được đất và vỏ phong hoá. - Xác định được các tầng đất. - Phân tích được năm nhân tố hình thành đất và liên hệ với đất địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các nhân tố tác động đến quá trình hình thành đất. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (mô hình, tranh ảnh khai thác internet phục vụ môn học.) 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
27			
28	Bài 15. Sinh quyển	2	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm sinh quyển; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. - Liên hệ được thực tế ở địa phương. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, xác định và lí giải được sự phân bố của sinh quyển. - Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Tôn trọng sự tồn tại của các loài sinh vật trên Trái Đất. - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập.
29			

30			
31	Bài 16. Thực hành: Tìm hiểu về sự phân bố đất và sinh vật trên Trái Đất	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên Trái Đất 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. giải thích được các hiện tượng và quá trình địa lí (phân tích được sự phân bố đất và sinh vật.) - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, sau đó, tranh ảnh khai thác internet) phục vụ môn học. - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.
32	Bài 17. Vỏ địa lí, quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày khái niệm vỏ địa lí, phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí, liên hệ được thực tế ở địa phương. - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí; nhận thức thế giới theo quan điểm không gian giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh, khai thác internet phục vụ môn học) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn, - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, hình thành thế giới quan khoa học khách quan. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

33			
34	Bài 18. Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới	2	1. Về kiến thức kì năng - Trình bày khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và phi địa đới, liên hệ thực tế địa phương. - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí. 2. Về năng lực. - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh, khai thác internet) phục vụ môn học.. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
35	Ôn tập cuối kì I	1	1. Kiến thức: Hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: - Một số vấn đề chung. - Trái Đất. - Thạch quyển. - Khí quyển. - Thủy quyển. - Sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

			3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
36	Kiểm tra cuối kì I	1	1. Kiến thức: Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: - Một số vấn đề chung. - Trái Đất. - Thạch quyển. - Khí quyển. - Thủy quyển. - Sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
37	Bài 19. Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới	3	1. Về kiến thức, kỹ năng - Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới. - Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư nhập cư), trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số. - Trình bày được các loại cơ cấu dân số; cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động trình độ văn hoá). - So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu. - Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu). - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu. - Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn. 2. Về năng lực
38			
39			

			- Năng lực nhận thức khoa học địa lý nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lý - Năng lực tìm hiểu địa lý: sử dụng các công cụ địa lý học (bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh....), khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lý giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình cảm yêu thương người lao động. thái độ tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.
40			
41	Bài 20. Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới	2	1. Kiến thức, kỹ năng - Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư. - Trình bày khái niệm, phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hóa, ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường - Vẽ được biểu đồ dân số (quy mô động thái, cơ cấu..) - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số 1. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lý, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lý, - Năng lực tìm hiểu địa lý: sử dụng các công cụ địa lý học (bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh), khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức để giải quyết vấn đề thực tiễn, - Năng lực chung. Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan .

			- Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.
42	Bài 21. Các nguồn lực phát triển kinh tế	1	1. Kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực, phân tích được vai trò của mỗi nguồn lực đối với phát triển kinh tế. - Phân tích được sơ đồ nguồn lực phát triển kinh tế. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhân chức thể giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh), khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức để giải quyết vấn đề thực tiễn, - Năng lực chung. Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, - Tình thành thể giới quan khoa học khách quan . - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.
43	Bài 22. Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế, phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế the ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ - So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế, tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNT bình quân đầu người. - Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương. - Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích, 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, phân tích các mối liên hệ giữa các hiện tượng quá trình địa lí tự nhiên với các đối tượng kinh tế - xã hội - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học (bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh...), khai thác internet phục vụ môn học.
44			

			- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế và dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.
45	Bài 23. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí là nhận thức thế giới theo quan, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, phân tích các mối liên hệ giữa các hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên và các đối tượng kinh tế - xã hội. - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí phục vụ môn học - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Có ý thức trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường
46			
47	Bài 24. Địa lí ngành nông nghiệp	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp. - Trình bày và phân tích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp - Đọc được bản đồ, xử lí, phân tích số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp. 2. Về năng lực

			- Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học như bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh...) khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 2. Về phẩm chất - Chăm chỉ trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học "Tách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên phát triển nông nghiệp bền vững.
48	Bài 25. Địa lí ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong lâm nghiệp thủy sản. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất lâm nghiệp thủy sản ở địa phương. - Đọc được bản đồ, xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về lâm nghiệp, thủy sản. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ như: bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh.. khai thác mternet phục vụ môn học - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên để phát triển lâm nghiệp và thủy sản bền vững

49	Bài 26. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. - Nếu được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới. - Phân tích được những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp làm nghiệp, thủy sản ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác nhằm giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển nông nghiệp bền vững
50	Bài 27. Thực hành: Vẽ và nhận xét biểu đồ về sản lượng lương thực của thế giới	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Xử lí, phân tích được bảng số liệu thống kê. - Vẽ được biểu đồ nông, lâm, thủy sản. - Nhận xét theo yêu cầu. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất

			- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển nông nghiệp bền vững
51	Ôn tập giữa kì II	1	1. Kiến thức: - Giúp HS nắm bắt lại một số vấn đề, nội dung kiến thức quan trọng ở một số bài học ở chương 8, Chương 9, Chương 10 (hết bài 27). - Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản, nắm vững, khác sâu kiến thức sau khi đã học. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
52	Kiểm tra giữa kì II	1	1. Kiến thức: - Chương 8: Địa lí dân cư. - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 10: Địa lí các ngành kinh tế ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (hết bài 27) 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
53	Bài 28. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp và	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, xác định và lý giải được sự phân bố của các đối tượng địa lí.

	các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp		- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học (tìm kiếm, thu thập chọn lọc và hệ thống hóa các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn). - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin này để cập nhật số hiện, tri thức liên hệ được thực tế địa phương, đất nước... để làm sáng tỏ hơn kiến thức địa lí: vận dụng được các kiến thức, kỹ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Rèn luyện tính chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học. - Giáo dục thế giới quan khoa học. - Ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
54	Bài 29. Địa lí một số ngành công nghiệp	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành khai thác than, dầu khí, quặng kim loại, điện lực, điện tử- tin học, sản xuất hàng tiêu dùng, thực phẩm. - Đọc được bản đồ công nghiệp và phân tích được biểu đồ công nghiệp 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học tìm kiếm thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức liên hệ được thực tế địa phương, đất nước làm sáng tỏ hơn kiến thức địa lí. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.
55			

			- Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên, tình cảm yêu thương người lao động, thái độ tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau.
56	Bài 30. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	1	1. Kiến thức: - Trình bày được quan niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. - Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có trách nhiệm trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và tham gia các hoạt động sản xuất phù hợp với bản thân. Hiểu và có trách nhiệm đối với sự phát triển nền công nghiệp trong tương lai.
57	Bài 31. Tác động của công nghiệp đối với môi trường, phát triển năng lượng tái tạo, định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.	1	1. Kiến thức: - Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường. - Phân tích được sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo. - Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ của địa lí học, khai thác internet phục vụ bộ môn. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

58	Bài 32. Thực hành: Viết báo cáo tìm hiểu một vấn đề về công nghiệp	1	1. Kiến thức: - Thu thập tài liệu về một vấn đề công nghiệp. - Trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức phát triển kinh tế trong tương lai.
59	Bài 33. Cơ cấu, vai trò, đặc điểm các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ	1	1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu của dịch vụ. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức trách nhiệm trong việc tham gia phát triển các ngành kinh tế phù hợp với năng lực bản thân (nhất là lĩnh vực dịch vụ).
60	Bài 34. Địa lí ngành	2	1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải.
61			

	giao thông vận tải		- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của giao thông vận tải. - Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và ngành giao thông vận tải. - Liên hệ được các hoạt động giao thông vận tải tại địa phương. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Đồng cảm với những địa phương, vùng miền, quốc gia còn khó khăn trong điều kiện cơ sở hạ tầng, nhất là GTVT và bưu chính viễn thông. - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực học tập để mai sau đóng góp công sức cho việc xây dựng quê hương đất nước. Bảo vệ và giữ gìn mạng lưới GTVT. Xây dựng môi trường văn hóa trong tham gia giao thông.
62	Bài 35. Địa lí ngành bưu chính viễn thông	1	1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành bưu chính viễn thông. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của bưu chính viễn thông. - Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và ngành bưu chính viễn thông. - Liên hệ được các hoạt động bưu chính viễn thông ở địa phương. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat...Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Đồng cảm với những địa phương, vùng miền, quốc gia còn khó khăn trong điều kiện cơ sở hạ tầng, nhất là GTVT và bưu chính viễn thông.

			- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực học tập để mai sau đóng góp công sức cho việc xây dựng quê hương đất nước. Bảo vệ và giữ gìn mạng lưới bưu chính viễn thông. Xây dựng môi trường văn hóa khi sử dụng bưu chính viễn thông.
63	Bài 36. Địa lí ngành du lịch	1	1. Kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành du lịch. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của du lịch. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành du lịch trên thế giới. - Vẽ được biểu đồ và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê du lịch. - Liên hệ được các hoạt động du lịch ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
64	Bài 37. Địa lí ngành thương mại và ngành tài chính ngân hàng	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành thương mại và tài chính ngân hàng. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành thương mại và tài chính ngân hàng. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành thương mại và tài chính ngân hàng trên thế giới.

			- Vẽ được biểu đồ, sơ đồ; đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành thương mại và tài chính ngân hàng. - Liên hệ được các hoạt động thương mại và tài chính ngân hàng ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa là nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, phân tích các mối liên hệ giữa các hiện tượng, quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học như bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh.. khai thác internet phục vụ môn học... - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
66	Bài 38. Thực hành: Viết báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ	1	1. Về kiến thức, kĩ năng Viết được báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung; năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

67	Bài 39. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	1	1. Kiến thức: - Phân biệt được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Phân tích được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí, biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ...Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Có ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lí và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.
68	Bài 40. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững - Trình bày được khái niệm và sự biểu hiện của tăng trưởng xanh. Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức địa lí: giải thích được những hệ quả do con người tác động đến môi trường tự nhiên; giải thích được tính cấp thiết của việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. - Năng lực tìm hiểu địa lí: tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web, đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống. - Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ. - Trung thực, yêu thiên nhiên, có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường

69	Ôn tập cuối kì II	1	1. Kiến thức: - Giúp HS ôn tập, củng cố nội dung kiến thức và kỹ năng trong học kì II: Chương 8, 9, 10, 11, 12, 13. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
70	Kiểm tra cuối kì II	1	1. Kiến thức: - Chương 8: Địa lí dân cư. - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 10: Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Chương 11: Địa lí ngành công nghiệp - Chương 12: Địa lí ngành dịch vụ - Chương 13: Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.

3.2. ĐỊA LÍ 11

Cả năm: 35 tuần (70 tiết);

Học kỳ I: 18 tuần (36 tiết);

Học kỳ II: 17 tuần (34 tiết).

TTST	BÀI HỌC	SỐ TIẾT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI (7 tiết)			
1,2	Bài 1: Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước	2	- Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người. - Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước. - Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước.
3,4	Bài 2: Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế	2	- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế và ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới. - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế và ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới. - Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.
5	Bài 3. Thực hành: Tìm hiểu về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá và khu vực hoá kinh tế.	1	Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá và khu vực hoá kinh tế.
6,7	Bài 4. Một số tổ chức quốc tế và khu vực, an ninh toàn cầu.	2	- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC). - Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.

8	Bài 5: Thực hành: Tìm hiểu nền kinh tế tri thức	1	Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.
ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA			
Khu vực Mỹ Latinh (6 tiết)			
9,10,11	Bài 6: Tự nhiên, dân cư và xã hội	3	- Trình bày được đặc điểm của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh
12,13	Bài 7: Kinh tế	2	- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh.
14	Bài 8: Thực hành: Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Cộng hoà Liên bang Brasil (Bra-xin):	1	Viết được báo cáo về những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.
Liên Minh Châu Âu (EU) (5 tiết)			
15,16	Bài 9: EU – Một liên kết kinh tế khu vực lớn	2	- Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
17	Ôn tập	1	Yêu cầu cần đạt từ tiết 1- đến tiết 14
18	Kiểm tra giữa kỳ I	1	Yêu cầu cần đạt từ tiết 1- đến tiết 14
19,20	Bài 9: EU – Một liên kết kinh tế khu vực lớn(tt)	3	- Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực. - Thu thập được thông tin về địa lí của EU. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét.

21	Bài 10:Thực hành: Tìm hiểu công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức	1	- Viết được báo cáo về những nét khái quát về sự phát triển công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức.
Khu vực Đông Nam Á (8 tiết)			
22,23	Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội khu vực Đông Nam Á.	2	- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
24,25	Bài 12 : Kinh tế khu vực Đông Nam Á	2	- Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung và sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
26,27	Bài 13: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	2	- So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá; phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN. - Lấy được một số ví dụ về sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Khai thác, chọn lọc, hệ thống hoá được các tư liệu từ các nguồn khác về địa lí khu vực ASEAN.
28	Bài 14 : Thực hành: Kinh tế Đông Nam Á	1	Vẽ và nhận xét được biểu đồ, phân tích bảng số liệu và truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.
Khu vực Tây Nam Á (5 tiết)			
29,30	Bài 15. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội khu vực Tây Nam Á	2	- Nêu được ảnh hưởng của vị trí địa lí, của một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
31,32	Bài 16. Kinh tế khu vực Tây Nam Á	2	- Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. - Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

33	Bài 17. Thực hành: Viết báo cáo về vấn đề dầu khí của khu vực Tây Nam Á	1	- Nêu được một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác ở khu vực Tây Nam Á. - Phân tích được số liệu, tư liệu.
34	Ôn tập	1	Yêu cầu cần đạt từ tiết 1- đến tiết 33
35	Kiểm tra cuối học kỳ I	1	Yêu cầu cần đạt từ tiết 1- đến tiết 33
Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (6 tiết)			
36,37,38	Bài 18. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ	3	- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
39,40,41	Bài 19. Kinh tế Hoa Kỳ	3	- Nêu được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới; trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kỳ.
Liên Bang Nga (6 tiết)			
42,43,44	Bài 20. Vị trí Địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Liên bang Nga	3	- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu, tháp tuổi;
45,46	Bài 21. Kinh tế Liên bang Nga	2	- Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế, đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế. - Đọc được bản đồ, rút ra NX; phân tích được số liệu, tư liệu, - Sưu tầm, hệ thống hoá được các thông tin, hình ảnh về địa lí Liên bang Nga từ các nguồn khác nhau.

47	Bài 22. Thực hành: Tìm hiểu về công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga	1	- Vẽ được biểu đồ về công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga. - Thu thập thông tin nhận xét về công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga.
Nhật Bản (5 tiết)			
48,49	Bài 23. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản	2	- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản.
50, 51	Bài 24. Kinh tế Nhật Bản	2	- Nêu được tình hình phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố các ngành kinh tế; so sánh được các vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật. - Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản. - Trình bày được những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét.
52	Bài 25. Thực hành: Viết báo cáo về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản	1	- Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản. - Trình bày được những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại.
53	Ôn tập	1	Yêu cầu từ tiết 36 đến tiết 52
54	Kiểm tra giữa kỳ II	1	Yêu cầu từ tiết 36 đến tiết 52
Cộng hoà nhân dân Trung hoa (Trung Quốc) (7 tiết)			
55,56,57	Bài 26. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Trung quốc	3	- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh - xã hội. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

58,59,60	Bài 27. Kinh tế Trung Quốc	3	- Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới; phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét.
61	Bài 28. Thực hành: Viết báo cáo về sự thay đổi của kinh tế vùng duyên hải Trung Quốc	1	- Thu thập được tư liệu (hình ảnh, số liệu, bài viết,...) về những thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải.
Australia (Ô-xtrây-li-a) (2 tiết)			
62,63	Bài 29. Thực hành: Tìm hiểu về kinh tế của Ô-xtrây-li-a	2	- Xác định được sự phân bố kinh tế trên bản đồ. - Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Australia. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
Cộng hoà Nam Phi (5t)			
64,64,66	Bài 30. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Cộng hoà Nam Phi	3	- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế. - Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
67,68	Bài 31. Kinh tế Cộng hoà Nam Phi	3	- Trình bày được khái quát sự phát triển nền kinh tế, các điểm nổi bật của các ngành kinh tế. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Cộng hoà Nam Phi.
69	Ôn tập	1	Yêu cầu từ tiết 37 đến tiết 68
70	Kiểm tra cuối học kỳ II	1	Yêu cầu từ tiết 37 đến tiết 68

3.3: ĐỊA LÝ 12

Cả năm: 35 tuần (70 tiết);

Học kỳ I: 18 tuần (36 tiết);

Học kỳ II: 17 tuần (34 tiết).

TT tiết	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
PHẦN 1. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN			
1,2	Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	2	- Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ. - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.
3,4,5,6	Bài 2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	4	- Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác. - Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.
7,8,9,10,11	Bài 3. Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên	5	- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. - Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước. - Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.
12	Bài 4. Thực hành: Viết báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam	1	Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.
13,14	Bài 5. Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	2	- Trình bày và giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. - Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. - Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. - Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường. - Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương.

PHẦN 2. ĐỊA LÍ DÂN CƯ

15,16,17	Bài 6. Dân số, lao động và việc làm	3	- Trình bày được đặc điểm dân số và phân tích được các thế mạnh, hạn chế về dân số của nước ta. - Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số, liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương. - Vẽ được biểu đồ về dân số, nhận xét và giải thích được đặc điểm dân số thông qua số liệu thống kê và bản đồ dân cư Việt Nam. - Trình bày được đặc điểm nguồn lao động; phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở nước ta. - Phân tích được vấn đề việc làm và nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta. - Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm.
18	Bài 7. Đô thị hoá	1	- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam và sự phân bố mạng lưới đô thị. - Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội. - Nhận xét và giải thích được đô thị hoá ở Việt Nam dựa trên bản đồ dân cư Việt Nam và số liệu thống kê.
19	Bài 8. Thực hành: Viết báo cáo về dân số, lao động và việc làm, đô thị hóa	1	Viết được báo cáo giới thiệu một trong các chủ đề về dân số, lao động và việc làm, đô thị hoá ở Việt Nam.
20	Ôn tập Giữa kì I	1	- Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá

			- Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
21	Kiểm tra Giữa kì I	1	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá - Năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
PHẦN 3. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ			
22,23	Bài 9. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	2	- Phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. - Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. - Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ ở nước ta. - Nêu và đánh giá được vai trò của mỗi thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay.

			- Vẽ được biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
24,25, 26,27	Bài 10. Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	4	- Khái quát được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nông nghiệp và trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu; tình hình phát triển và phân bố (trồng trọt, chăn nuôi); xu hướng phát triển của nông nghiệp nước ta. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển lâm nghiệp và trình bày được tình hình phát triển, phân bố lâm nghiệp và bảo vệ tài nguyên rừng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển thủy sản và trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu; tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản.
28,29	Bài 11. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	2	- Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, vùng nông nghiệp.
30	Bài 12. Thực hành: Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích về tình hình phát triển và sự chuyển dịch cơ cấu của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1	- Vẽ được biểu đồ, trình bày nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta.
31,32,33,34	Bài 13. Vấn đề phát triển công nghiệp	4	- Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ. - Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu, khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt, may; giày, dép thông qua bảng số liệu, tư liệu,...

35	Bài 14. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	1	- Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm công nghiệp.
36	Bài 15. Thực hành: Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích tình hình phát triển các ngành công nghiệp ở nước ta	1	- Vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta.
37	Ôn tập Cuối kì I	1	- Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế + Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp + Vấn đề phát triển công nghiệp + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
38	Kiểm tra Cuối kì I	1	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống

			+ Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế + Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp + Vấn đề phát triển công nghiệp + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
39,40,41	Bài 16. Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	3	- Khái quát được vai trò của ngành dịch vụ, phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ. - Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông. - Vẽ được biểu đồ và sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.
42,43	Bài 17. Thương mại và du lịch	2	- Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành thương mại ở Việt Nam. - Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành du lịch, phân tích được sự phân hoá lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững. - Vẽ được biểu đồ và sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến thương mại và du lịch.

44	Bài 18. Thực hành: Tìm hiểu thực tế về một số hoạt động và sản phẩm dịch vụ của địa phương	1	- Tìm hiểu thực tế, viết được đoạn văn ngắn giới thiệu, quảng bá về một số hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo của địa phương, nhất là về du lịch.
PHẦN 4. ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ			
45,46	Bài 19. Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	2	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Chứng minh được các thế mạnh để phát triển kinh tế của vùng về khoáng sản và thủy điện, cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (cây công nghiệp, rau quả); chăn nuôi gia súc lớn. - Trình bày được việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng và nêu được hướng phát triển. - Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội với an ninh quốc phòng. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng.
47,48	Bài 20. Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	2	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của Đồng bằng sông Hồng. - Phân tích được một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của vùng: vấn đề phát triển công nghiệp và dịch vụ. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về các thế mạnh của vùng.
49,50	Bài 21. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	2	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của Bắc Trung Bộ. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Trung Bộ. - Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Trung Bộ. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày thế mạnh và hạn chế của Bắc Trung Bộ.

51,52	Bài 22. Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ	2	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của Duyên hải Nam Trung Bộ. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, giao thông vận tải biển, du lịch biển, khai thác khoáng sản biển, - Trình bày được phát triển các ngành kinh tế biển và nêu được hướng phát triển kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.
53	Ôn tập Giữa kì II	1	- Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
54	Kiểm tra Giữa kì II	1	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ - Về năng lực:

			+ Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
55,56	Bài 23. Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên	2	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bô-xit), du lịch. - Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thủy điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bô-xit, phát triển du lịch. - Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với an ninh quốc phòng. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng.
57,58	Bài 24. Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ	2	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển kinh tế của vùng. - Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế: công nghiệp; dịch vụ; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. - Trình bày được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các thế mạnh và hiện trạng phát triển các ngành kinh tế.
59,60	Bài 25. Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Chứng minh được các thế mạnh, hạn chế để phát triển kinh tế của vùng; trình bày được hướng sử dụng hợp lí tự nhiên của vùng.

			- Giải thích được tại sao phải sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long. - Trình bày được vai trò, tình hình phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm của vùng. - Trình bày được tài nguyên du lịch và tình hình phát triển du lịch của vùng. - Sử dụng bản đồ, số liệu thống kê, tư liệu, trình bày các thế mạnh, tình hình phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, du lịch của vùng. - Vẽ được biểu đồ kinh tế - xã hội, nhận xét và giải thích.
61	Bài 26. Thực hành: Tìm hiểu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long và các giải pháp ứng phó	1	- Biết cách thu thập được tài liệu và viết báo cáo về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó.
62,63,64	Bài 27. Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm	3	- Phân tích được đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta. - Trình bày được quá trình hình thành và phát triển; các nguồn lực, thực trạng và định hướng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích được nội dung liên quan đến các vùng kinh tế trọng điểm. - Sử dụng số liệu, bản đồ và các nguồn tài liệu khác, nhận xét và giải thích được vấn đề liên quan đến các vùng kinh tế trọng điểm.
65,66	Bài 28. Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển	2	- Trình bày được khái quát về Biển Đông. - Trình bày được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta.

	Đông và các đảo, quần đảo		- Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. - Trình bày được tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển); giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta. - Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo.
67	Bài 34. Thực hành: Viết báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam	1	- Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video,... để viết và trình bày báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.
PHẦN 5. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG			
68	Bài 35. Thực hành: Tìm hiểu địa lí địa phương	1	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dựa trên bản đồ của địa phương, Việt Nam và kiến thức đã có. - Phân tích được một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư - xã hội, kinh tế địa phương dựa vào việc sử dụng bản đồ, lược đồ, biểu đồ, số liệu thống kê,... Viết được báo cáo giới thiệu địa lí địa phương theo một số chủ đề dựa vào việc thu thập các tài liệu, tranh ảnh, số liệu....
69	Ôn tập Cuối kì II	1	- Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng

			+ Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ + Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ + Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long + Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm + Phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
--	--	--	--

70	Kiểm tra Cuối k	1	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ + Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ + Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long + Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm + Phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.
----	-----------------	---	--

CHUYÊN ĐỀ 1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC (10 TIẾT)					
STT (1)	Tuần (2)	Chuyên đề (3)	Số tiết (4)	Tiết PPCT (5)	Yêu cầu cần đạt (6)
		I. Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực.	3	1,2,3	
14	9, 10	Khái quát về một số cách trình bày lịch sử truyền thống - Kể chuyện về quá khứ - Lịch sử biên niên Thông sử - Khái niệm - Nội dung chính Lịch sử theo lĩnh vực - Khái quát về lịch sử theo lĩnh vực - Ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực. Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới. - Lịch sử dân tộc - Lịch sử thế giới.		1,2,3	- Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được khái niệm thông sử. - Nêu được nội dung chính của thông sử. - Nêu được khái niệm và nội dung chính của Lịch sử dân tộc. Nêu được khái niệm và nội dung chính của Lịch sử thế giới
		II. Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam	4		
15	11	Lịch sử văn hoá Việt Nam		4	- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam. - Tóm tắt được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam trên đường thời gian.
16	11	Lịch sử tư tưởng Việt Nam		5	- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng

					Việt Nam. - Tóm tắt được nét chính của lịch sử tư tưởng Việt Nam trên đường thời gian.
17	12	Lịch sử xã hội Việt Nam		6	- Tóm tắt được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam trên đường thời gian. - Giải thích được đối tượng của lịch sử xã hội.
18	12	Lịch sử kinh tế Việt Nam		7	- Giải thích được đối tượng của lịch sử kinh tế. - Tóm tắt được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam trên đường thời gian.
19	13	Thực hành chuyên đề 1	2	8,9	
20	14	Kiểm tra chuyên đề 1	1	10	
CHUYÊN ĐỀ 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM (15 TIẾT)					
21	14, 15	Di sản văn hoá	2	11, 12	- Giải thích được khái niệm di sản văn hoá. - Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau. - Chỉ ra được một số cách phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. - Phân tích được mục đích và ý nghĩa của việc phân loại, xếp hạng di sản văn hoá.
22	15, 16	II. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá	3	13, 14, 15	- Giải thích được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá. - Phân tích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: bảo tồn phải đặt trong bối cảnh phát triển bền vững để bảo tồn không trở thành gánh nặng và rào cản của phát triển. - Phân tích được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. - Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo

					vệ di sản,... - Giải thích được vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. - Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua ví dụ cụ thể. - Có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá ở địa phương và đất nước.
		III. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở Việt Nam	6		
23	17	Di sản văn hoá phi vật thể		16, 17	- Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu.
24	17	Di sản văn hoá vật thể		18	- Xác định được vị trí phân bố các di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu.
48	19, 20	Di sản thiên nhiên tiêu biểu. Di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam		19,20,21	- Xác định vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu. - Xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số các di sản phức hợp tiêu biểu.

49	21, 22, 23	Thực hành chuyên đề 2	3	22, 23, 24	
50	24	Kiểm tra chuyên đề 2	1	25	
CHUYÊN ĐỀ 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ (10 TIẾT)					
		I. Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)	2		
51	25, 26	<i>Một số mô hình nhà nước quân chủ. Một số bộ luật tiêu biểu</i>		26, 27	- Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. - Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn.
		II. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 – 1976)	2		
52	27, 28	<i>Sự ra đời của Nhà nước VNDCCH. Đặc điểm và tính chất của nhà Nước VNDCCH. Vai trò của Nhà nước VNDCCH</i>		28, 29	- Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Phân tích được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 - 1976.
		III. Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 đến nay	1		
53	29	<i>Sự ra đời của Nhà nước CHXHCNVN.</i>		30	- Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước

		Vai trò của Nhà nước CHXHCNVN trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.			Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.
		IV. Một số bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay	2		
54	30, 31	Sự ra đời của các bản Hiến pháp từ 1946 – nay. Một số điểm chính của các bản Hiến Pháp Việt Nam. Một số bản Hiến Pháp tiêu biểu		31,32	- Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc. - Phân tích được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước,... - Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946: ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, quyền bình đẳng và nghĩa vụ công dân, cơ cấu hệ thống chính trị,... - Phân tích được ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946- Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.
55	32, 33	Thực hành chuyên đề 3	2	33,34	
56	34	Kiểm tra chuyên đề 3	1	35	

CHUYÊN ĐỀ 11

CHUYÊN ĐỀ 1. LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM (15T)

	Tiết theo PPCT		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
--	----------------	--	----------------	------------------------

12	1,2,3	I. Nghệ thuật thời Lý - Trần	3	- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... - Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...
13	4,5,6	II. Nghệ thuật thời Lê sơ và thời Mạc	3	- Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... - Liệt kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc. - Nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc.
14	7,8,9	III. Nghệ thuật thời Lê trung hưng	3	- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lê trung hưng về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... - Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng.
15	10,11,12	IV. Nghệ thuật thời Nguyễn	3	- Mô tả được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... - Nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.

16	13,14	Thực hành chuyên đề 1	2	- Ôn tập và làm bài tập lịch sử chuyên đề 1 - Thiết kế 1 bài giới thiệu để quảng bá giá trị của 1 công trình (tác phẩm) nghệ thuật truyền thống thể hiện dưới dạng poster, infographic, powpoint,...
	15	Ôn tập, kiểm tra chuyên đề 1	1	- Học sinh hệ thống được những kiến thức trọng tâm của chuyên đề 1 - Biết vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn... - Đánh giá mức độ đáp ứng của học sinh về yêu cầu cần đạt của chuyên đề.

CHUYÊN ĐỀ 2. CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX (10T)

25,26	16,17,18	I. Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX	3	- Giải thích được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới - Đánh giá được những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới - Phân tích được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1918; chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và cơ sở chiến tranh,... - Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai. - Phân tích được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.
-------	----------	--	---	---

26,27	19,20	II. Chiến tranh lạnh (1947 - 1989)	2	<i>*Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay</i> - Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh. - Đánh giá được những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. - Phân tích được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
27	21	III. Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh	1	Giải thích được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh Iraq, Afghanistan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,...
28	22	IV. Cuộc chiến tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh.	1	- Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh: Đại hội hoà bình thế giới ngày 26 tháng 4 năm 1949 (Paris), sự thành lập Hội đồng Hoà bình thế giới và các hoạt động chống chiến tranh. - Nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. - Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.

28,29	23,24	Thực hành chuyên đề 2	2	- Ôn tập và làm bài tập lịch sử chuyên đề 2 - Thiết kế trò chơi lịch sử về chủ đề chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX
29	25	Ôn tập, kiểm tra chuyên đề 2	1	- Học sinh hệ thống được những kiến thức trọng tâm của chuyên đề 2 - Biết vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn... - Đánh giá mức độ đáp ứng của học sinh về yêu cầu cần đạt của chuyên đề.
CHUYÊN ĐỀ 3. DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (10T)				
30	26	I. Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc	1	- Giải thích được khái niệm danh nhân. - Nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.
30,31	27,28	II. Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại	2	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại - Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.
31,32	29,30	III. Một Số danh nhân quân sự Việt Nam	2	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. - Đánh giá được vai trò của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

				- Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong lịch sử c tộc.
32	31	IV. Một số danh nhân văn hoá Việt Nam	1	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân v hoá trong lịch sử Việt Nam. - Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của danh nhân văn hoá tr lịch sử Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân văn hoá trong lịch sử c tộc.
33	32	V. Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo	1	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân tr lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo. - Nêu được nhận xét về đóng góp chính của danh nhân trong lĩnh vực khoa h - công nghệ và giáo dục - đào tạo thông qua ví dụ cụ thể. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân khoa học - công nghệ giáo dục - đào tạo trong lịch sử dân tộc.
33,34	33,34	Thực hành chuyên đề 3	2	- Ôn tập và bài tập lịch sử chuyên đề 3: - Tạo sơ đồ tư duy hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học tr chủ đề 3 hoặc làm hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về 1 danh nhân lịch sử V Nam mà em ấn tượng nhất.
34	35	Ôn tập, kiểm tra chuyên đề 3	1	- Học sinh hệ thống được những kiến thức trọng tâm của chuyên đề 3.

				- Biết vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn... - Đánh giá mức độ đáp ứng của học sinh về yêu cầu cần đạt của chuyên đề.
--	--	--	--	--

CHUYÊN ĐỀ SỬ 12

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1	Chuyên đề 1. Lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam	15	Tuần 1 đến tuần 15	- Laptop, máy chiếu (tivi) - Tài liệu Tham khảo - Tranh ảnh, video liên quan	Lớp học
2	Chuyên đề 2. Nhật Bản: Hành trình lịch sử từ 1945 đến nay	10	Tuần 16 đến tuần 25	- Laptop, máy chiếu (tivi) - Tài liệu Tham khảo - Tranh ảnh, video liên quan	Lớp học
3	Chuyên đề 3. Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	10	Tuần 26 đến tuần 35	- Laptop, máy chiếu (tivi) - Tài liệu Tham khảo - Tranh ảnh, video liên quan	Lớp học

CHUYÊN ĐỀ ĐỊA 10

Thứ tự tiết	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1 - 10	Biến đổi khí hậu	10	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm, các biểu hiện của biến đổi khí hậu. - Giải thích được nguyên nhân của biến đổi khí hậu. - Phân tích được các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả trên phạm vi toàn cầu. - Giải thích được tầm quan trọng và sự cấp bách của ứng phó với biến đổi khí hậu. - Hệ thống hóa được các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

			2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: + Phân tích được khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. - Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh,... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có trách nhiệm trong việc chống biến đổi khí hậu.	
11 - 25	Đô Thị Hóa	15	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm về đô thị hóa theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Nêu được ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển. Phân biệt được quy mô của các đô thị. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước phát triển. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hóa đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển. Liên hệ được với thực tế Việt Nam. - So sánh được đặc điểm đô thị hóa giữa hai nhóm nước: phát triển, đang phát triển.	

			- Xác định được trên bản đồ thế giới một số siêu đô thị. - Vẽ được biểu đồ cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới hoặc một số nước. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: + Sử dụng được bản đồ để xác định được tỉ lệ dân thành thị, quy mô dân số đô thị. - Tìm hiểu địa lí: + Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... + Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đô thị hóa. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có nhận thức đúng đắn về quá trình đô thị hóa nước ta.	
26 - 35	Phương pháp viết báo cáo địa lí	10	- Nêu được quan niệm về báo cáo địa lí. - Trình bày được cấu trúc của một báo cáo địa lí. - Xác định được các bước cần thực hiện để viết một báo cáo địa lí: chọn đề tài, xây dựng đề cương; thu thập, chọn lọc, xử lí và hệ thống hóa dữ liệu; trình bày báo cáo. - Xác định được ý tưởng và chọn đề tài báo cáo địa lí. - Xác định được cấu trúc của một đề cương báo cáo khoa học và nội dung chính xác của các đề mục. - Xác định và hình thành được kĩ năng thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin, hệ thống hóa thông tin. - Xác định được các hình thức trình bày báo cáo.	

			- Trình bày được kĩ thuật viết một báo cáo địa lí; hình thành được kĩ năng viết và trình bày báo cáo địa lí.
--	--	--	--

3.2. Địa 11

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á	15	– Nêu được khái quát về lưu vực sông Mê Công. – Trình bày được lí do ra đời, mục tiêu của Ủy hội sông Mê Công. – Giới thiệu được một số hoạt động của Ủy hội sông Mê Công. – Xác định được vai trò của Việt Nam trong Ủy hội sông Mê Công. – Nêu và đánh giá được các biểu hiện của sự hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên, triển giao thông vận tải, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng ở Biển Đông.
2	Một số vấn đề về du lịch thế giới	10	– Chứng minh được sự đa dạng, phong phú của các loại tài nguyên du lịch trên thế giới được với tài nguyên du lịch Việt Nam. – Trình bày được một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới hiện nay, liên hệ được động du lịch ở Việt Nam. + Trình bày được một số xu hướng phát triển du lịch trên thế giới. + Liên hệ để hiểu được các định hướng phát triển du lịch Việt Nam. + Liên hệ được các ngành nghề liên quan đến du lịch.

3	Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)	10	– Trình bày được quan niệm về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; so sánh được đặc điểm của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với các cuộc cách mạng công nghiệp trước. – Nêu được một số xu hướng chính của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. – Phân tích được các tác động chủ yếu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến phát triển kinh tế - xã hội trên toàn thế giới – Vận dụng được hiểu biết về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào việc định hướng nghề nghiệp và liên hệ với việc học tập.
---	--	----	---

3.3. Chuyên đề địa lí 12

Thứ tự tiết	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1 - 10	Chuyên đề 1. Thiên tai và biện pháp phòng chống	10	- Trình bày được quan niệm, đặc điểm, nguyên nhân và phân loại thiên tai. - Trình bày được một số thiên tai và nơi thường xảy ra (bão, lũ lụt, hạn hán, các thiên tai khác); phân tích được nguyên nhân, hậu quả của mỗi loại và xác định được các biện pháp phòng chống. Liên hệ, tìm hiểu được về một thiên tai cụ thể tại địa phương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp). - Thu thập được tranh ảnh, số liệu, video,... để trưng bày một số chủ đề về thiên tai ở nước ta. - Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng về thiên tai và các biện pháp phòng chống.
11 - 25	Chuyên đề 2. Phát triển vùng	15	- Trình bày được quan niệm về vùng, ý nghĩa của vùng và cơ sở hình thành vùng trong nền kinh tế đất nước. - Phân biệt được các loại vùng kinh tế (theo các tiêu chí cụ thể): vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, vùng ngành,... - Trình bày (tóm tắt) được các loại vùng kinh tế ở Việt Nam.

			- Trình bày được đặc điểm và giải thích được sự hình thành của một số loại vùng kinh tế.
26 - 35	Chuyên đề 3. Phát triển làng nghề	10	- Trình bày được khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển làng nghề. - Phân tích được vai trò của làng nghề, thực trạng và định hướng phát triển làng nghề, tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên, môi trường. - Liên hệ thực tế địa phương.

III. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NHÓM CHUYÊN MÔN

3.1 Bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 12

MÔN SỬ

STT	Nội dung	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm
1	Liên Hợp quốc	3	Tuần 3	Phòng tổ bộ môn.
2	Quan hệ Quốc Tế	3	Tuần 4	Phòng tổ bộ môn.
3	ASEAN	20	Tuần 5,6,7,8,9,10,11	Phòng tổ bộ môn.
4	LỊCH SỬ 11	10	Tuần 12,13,14,15	Phòng tổ bộ môn.
5	LỊCH SỬ 10	20	Tuần 16,17,18,19	Phòng tổ bộ môn.
6	LỊCH SỬ VIỆT NAM	20	Tuần 20,21, 22	Phòng tổ bộ môn.
7	Giải đề	10	Tuần, 23,24	Phòng tổ bộ môn.

STT	Nội dung	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm
1	Khí quyển	3	Tuần 3	Phòng tổ bộ môn.

	2	Khu vực Đông Nam Á	3	Tuần 4	Phòng tổ bộ môn.
	3	Địa lí tự nhiên	20	Tuần 5,6,7,8	Phòng tổ bộ môn.
	4	Địa lí dân cư – xã hội	10	Tuần 9,10,11	Phòng tổ bộ môn.
	5	Địa lí kinh tế	20	Tuần 12,13,14,15	Phòng tổ bộ môn.
	6	Địa lí các vùng kinh tế	20	Tuần 16,17,18,19	Phòng tổ bộ môn.
	7	Rèn kĩ năng làm việc với bảng số liệu, biểu đồ	4	Tuần 20, 21, 22, 23,	Phòng tổ bộ môn.
	8	Giải đề	10	Tuần 24	Phòng tổ bộ môn.

ST T	Chủ đề hoạt động	Yêu cầu cần đạt	Khối lớp	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì	Phổ i hợp	Điều kiện thực hiện	
1	Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên địa phương	1. Kiến thức - Có những hiểu biết cơ bản về tự nhiên(địa hình, khí hậu, đất, sông ngòi..) của địa phương. - Biết các mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên. - Đề xuất biện pháp bảo vệ thiên nhiên tại địa phương. 2. Năng lực - Nhận thức khoa học địa lí: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân bố đối tượng địa lí. - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn địa phương. 3. Phẩm chất:	10	Tuần 20	Huyện thị nơi đang sống	Nhóm Địa lí	Tổ bộ môn	HS tự túc kinh phí, hình thành nhóm học sinh theo địa phương thực hiện	

		- Tôn trọng sự tồn tại của các nhân tố tự nhiên. - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.							
2	Tham quan tìm hiểu về làng nghề, vấn đề môi trường làng nghề...	1. Kiến thức - Có được các thông tin cơ bản về làng nghề. - Biết được điều kiện sản xuất, việc sử dụng lao động, nguyên liệu sản xuất, giá trị sản phẩm của làng nghề.. - Biết được những tác động của môi trường của làng nghề đến tự nhiên, đời sống địa phương. - Đề xuất được các biện pháp hạn chế tác động của môi trường nhằm phát triển bền vững.	11	Tuần 33	Làng nghề...	Nhóm Địa lí	Tổ bộ môn	Xin kinh phí đi lại cho học sinh.	

		2. Năng lực - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Tôn trọng các ngành nghề, tôn trọng thiên nhiên. - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân.							
3	Tổ chức sinh hoạt tập thể(rung chuông	1. Kiến thức - củng cố kiến thức, khắc sâu kiến thức	12	Tuần 22	Phòng hội đồng	Nhóm Địa lí	Tổ bộ môn	Âm thanh, tivi lớn và xin kinh phí phát thưởng	

	vàng, hành trình khám phá..) bổ trợ kiến thức - Tăng cường luyện tập, thực hành, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn 2. Năng lực - Năng lực tự chủ và tự học, giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, .. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ; Trách nhiệm. - Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

TTCM CHUYÊN MÔN



Nguyễn Thị Kim Dung



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Nguyễn Quốc Nguyên